

Số: 19/BC-UBND

Cát Thành, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả công tác CCHC Quý I năm 2025

Kính gửi: Phòng Nội vụ huyện Trục Ninh

Thực hiện công văn số 86/UBND-NV ngày 24/01/2025 của UBND huyện Trục Ninh về việc xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC định kỳ năm 2025; UBND thị trấn Cát Thành báo cáo tình hình, kết quả công tác CCHC Quý I như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CCHC

1. Công tác tổ chức thực hiện

- Phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong công tác CCHC; xác định là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, thúc đẩy nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị; triển khai có hiệu quả, toàn diện các chương trình, kế hoạch công tác của UBND thị trấn năm 2025 và thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, huyện giao.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 về cải cách hành chính năm 2025, kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 về thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2025 đúng tiến độ kế hoạch, nhiệm vụ công tác của UBND thị trấn.

- Xây dựng chính quyền phục vụ Nhân dân, hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công theo hướng hiện đại, nhanh chóng, thuận tiện; nâng cao chất lượng, trách nhiệm, kỹ năng giải quyết TTHC, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

- Thường xuyên quán triệt, chỉ đạo, điều hành cán bộ, công chức bám sát kế hoạch để tổ chức thực hiện, xác định rõ trách nhiệm để thực thi công vụ; giao nhiệm vụ cho công chức Văn phòng - Thống kê theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ phận chuyên môn thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương và nội quy, quy chế UBND; kiểm tra, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những hạn chế, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

- Phát động cán bộ, công chức tập trung nghiên cứu các mô hình, sáng kiến, giải pháp mới giúp triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao các lĩnh vực CCHC, gắn

kết quả thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng hằng năm để đánh giá, bình xét cán bộ, công chức.

2. Công tác tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, huyện và của thị trấn về công tác cải cách hành chính. Tuyên truyền 06 nội dung cơ bản về cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; tuyên truyền trên trang thông tin điện tử, Đài truyền thanh, các trang mạng xã hội, lồng ghép tuyên truyền trong các hội nghị của Đảng, chính quyền, đoàn thể, phổ biến sâu rộng, nâng cao nhận thức tầm quan trọng của việc cải cách hành chính. Tuyên truyền đến từng đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao nhận thức, ý thức, tinh thần trách nhiệm về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

- Nâng cao chất lượng các chuyên mục, tin, bài tuyên truyền về CCHC trên phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của thị trấn và trong các hội nghị.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền đảm bảo trình tự, hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật. UBND thị trấn giao nhiệm vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với công chức Văn phòng - Thống kê thường xuyên kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các văn bản có nội dung trái pháp luật, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đến thời điểm báo cáo, UBND thị trấn đã ban hành 89 văn bản, trong đó: văn bản mật: 0; văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử: 90; số văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy (sao y văn bản giấy): 01.

- UBND thị trấn đã ban hành kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025, giao nhiệm vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch tổ chức kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thống kê báo cáo định kỳ và tham mưu xử lý các trường hợp vi phạm hành chính trên địa bàn thị trấn.

- UBND thị trấn đã ban hành kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025. Tuyên truyền Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy định về xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật; tạo chuyển biến, đổi mới, xây dựng thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật đã được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, các văn bản, chính sách cho cán bộ, nhân dân, tập

trung vào các luật, pháp lệnh, văn bản pháp luật được tuyên truyền sâu rộng trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội, đài truyền thanh thị trấn, thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật đến các nhà trường, các cơ sở giáo dục, người lao động trong doanh nghiệp, người khuyết tật,... nâng cao nhận thức của mọi người dân. Đội ngũ Tuyên truyền viên pháp luật được theo dõi, rà soát, kiện toàn, công nhận, miễn nhiệm theo quy định; tổ chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật mới và kỹ năng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật nhất là kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù do cấp trên tổ chức.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Về niêm yết công khai TTHC

- Triển khai thực hiện kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025; UBND thị trấn đã giao nhiệm vụ cho các bộ phận chuyên môn thực hiện kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện thủ tục hành chính đã công bố ban hành; phát hiện và tham mưu cho lãnh đạo UBND thị trấn kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các TTHC không còn phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Thực hiện cập nhật, công khai kịp thời các TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị trấn. Công khai 110 TTHC trên các lĩnh vực; 02 nhóm TTHC liên thông Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

2.2. Về giải quyết TTHC

- Trong quý I, năm 2025, Bộ phận một cửa UBND thị trấn tiếp nhận và giải quyết 610 hồ sơ. Hồ sơ trực tuyến là 610; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính là 610 hồ sơ bằng 100%; hồ sơ trả phí qua mạng là 525 hồ sơ chiếm 95,62%. 100% hồ sơ trên đều được giải quyết trước hạn và đúng hạn, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Việc tiếp nhận hồ sơ, không có cá nhân, tổ chức nào cung cấp tài liệu, thông tin quá 1 lần so với hướng dẫn bổ sung tài liệu mà công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ TTHC ghi trên phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ.

2.3. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Công khai, niêm yết địa chỉ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, mức thu phí và lệ phí, Quy chế tổ chức hoạt động, Nội quy để người dân, doanh nghiệp biết. Trong Quý I, năm 2025, không có kiến nghị của công dân về giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Phân công, tổ chức bộ máy của đơn vị theo quy định của pháp luật, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Ban hành Quy chế làm

việc, Đề án vị trí việc làm cán bộ, công chức thị trấn Cát Thành; quản lý, sử dụng biên chế người làm việc đảm bảo yêu cầu vị trí việc làm đúng chuyên môn và quy định pháp luật. Tổng số cán bộ, công chức thị trấn được giao là 24, hiện tại đã biên chế được 18, còn thiếu 06.

- Thường xuyên kiện toàn, sắp xếp các chức danh hoạt động không chuyên trách, cán bộ hội, đoàn thể ở cơ sở đảm bảo yêu cầu về số lượng, tiêu chuẩn và đáp ứng được công việc.

4. Cải cách công vụ

Tổ chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; kịp thời xử lý nghiêm những cá nhân có sai phạm theo đúng quy định của pháp luật.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện các giải pháp nhằm chấp hành kỷ luật tài chính, kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi thẩm quyền được giao; mở rộng công khai minh bạch tài chính đối với việc quản lý sử dụng ngân sách. Cải tiến công tác dự toán, phân bổ, cân đối ngân sách nhà nước và quản lý chi tiêu để tạo sự chủ động và tăng cường trách nhiệm của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để tổ chức thực hiện hiệu quả.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

- Thực hiện kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 về chuyển đổi số năm 2025, thực hiện đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ. Thường xuyên tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài truyền thanh, Trang thông tin điện tử của thị trấn, băng zôn, khẩu hiệu.... Tuyên truyền lồng ghép qua các hội nghị ở thị trấn, TDP các tổ chức đoàn thể, trên trang Zalo OA thị trấn,...

- Thực hiện tuyên truyền đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử trong giao dịch hành chính, nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp nhận văn bản đến, thực hiện giao việc và xử lý công việc trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng chữ ký số chuyên dùng để xử

lý và phát hành văn bản; 100% văn bản đi được thực hiện dưới dạng điện tử; giảm chi phí và thời gian xử lý công việc. Ban hành danh mục lưu trữ hồ sơ điện tử cơ quan và thực hiện lưu trữ đầy đủ văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản.

- Cung cấp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan nhà nước trên trang thông tin điện tử đảm bảo thuận tiện truy cập và khai thác thông tin.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết như: Mạng Internet, hệ thống mạng LAN, mạng Wifi, máy vi tính, máy quét tài liệu,.. phục vụ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

- UBND thị trấn Cát Thành đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tiếp tục duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết TTHC; thực hiện kiểm soát tài liệu, hồ sơ, xây dựng mô hình hệ thống chất lượng, quy trình quản lý hoạt động nội bộ năm 2024 và quy trình giải quyết TTHC. Ban hành kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 về duy trì, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, kế hoạch mục tiêu chất lượng, kế hoạch đánh giá nội bộ và tổ chức thành lập đoàn đánh giá nội bộ năm 2025.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Công chức phụ trách một số lĩnh vực còn chưa cập nhật TTHC và quy trình giải quyết nội bộ kịp thời theo Quyết định của UBND tỉnh Nam Định.

- Phát sinh hồ sơ 1 lĩnh vực (Tư pháp).

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Không.

Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Thành trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND thị trấn;
- UBND thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	0	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	06	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	06	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số cơ quan đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Thường xuyên
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	CẢI CÁCH TTHC			
1	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.1	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.2	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	110	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	02	2 nhóm
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	610	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	610	
3.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
-	Số lượng cán bộ, công chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người	0	
-	Số cán bộ cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
-	Số công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
V	XD VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	74	
2.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	74	
2.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
2.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	36	
2.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	36	
2.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	07	
2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
2.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức một phần và toàn trình của địa phương	Thủ tục	110	
2.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	110	
2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn trình và một phần (Chỉ thống kê đối với các TTHC toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ)	%	100	
2.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	610	
2.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	610	
2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
2.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
2.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		